

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 16/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đắc Quýnh

- Bà Lê Thị Lan P

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn H, sinh năm 1998; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn 1, xã T, huyện N1, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngô Văn M và bà Vũ Thị N2. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 17/2020/HSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Hải Dương xử phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội Đánh bạc

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2021 đến ngày 05/01/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Trung K, sinh năm 1998; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ dân phố C, phường B, TX. M, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Con ông Đỗ Đình H1 và bà Tường Thị T1. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2021 đến ngày 05/01/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976

Hiện trú tại: Khu Q, TT N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/01/2021, Đỗ Trung K đến phòng trọ của bạn là Ngô Văn H ở xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên chơi. H và K rủ nhau đi mua ma túy tổng hợp dạng đá về sử dụng. H nhờ bạn tên C1 (không xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể ở đâu) đang ở địa bàn huyện N, tỉnh Hải Dương mua hộ 300.000đ tiền ma túy. C1 đồng ý và bảo H đến để lấy ma túy. K đi xe mô tô hiệu Honda Wave, màu cam đen bạc BKS 89F1-265.46 (xe của mẹ K) chở H đi từ Hưng Yên đến địa bàn huyện N. Trên đường đi, K đưa cho H số tiền 100.000đ để góp tiền mua ma túy. Khi H và K đi đến khu vực cầu Hàn thuộc địa bàn huyện N thì gặp C1. H đưa C1 số tiền 600.000đ (trong đó có 300.000đ tiền mua ma túy và 300.000đ H cho C1 vay). C1, H và K đi vào lối đường thôn Mạc Xá, xã Minh Tân, huyện N, tỉnh Hải Dương. H và K đứng chờ C1 đi mua ma túy. Khoảng 05 phút sau, C1 quay lại đưa cho H 01 túi nilon kích thước 02x02cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp dạng đá. H cầm gói ma túy ở tay trái rồi điều khiển xe chở K đi về phòng trọ của H để cùng sử dụng ma túy. Khi H và K đang đi trên đường thôn M, xã M1, huyện N thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng 01 gói nilon màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam đen bạc BKS 89F1-265.46 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp sim số 0933740222 của H.

Tại Kết luận giám định số 69/KLGD-PC09 ngày 05/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hải Dương, xác định: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì, gửi đến giám định khối lượng là 0,253 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Về vật chứng: Đối với 0,187 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì thư niêm phong số 69/KLGD-PC09 của

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương; đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen bên trong lắp sim số 0933740222 của H tiếp tục được lưu giữ tại kho vật chứng; đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave mang BKS 89F1-265.46 cơ quan công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Tường Thị T1 (mẹ đẻ bị cáo), bà T1 không biết bị cáo K sử dụng chiếc xe máy để đi mua ma túy về sử dụng.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-NS ngày 29/3/2021, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố Ngô Văn H và Đỗ Trung K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn H và Đỗ Trung K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Về hình phạt: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, 56, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Ngô Văn H, đề nghị: Xử phạt bị cáo Ngô Văn H từ 14 đến 16 tháng tù, tổng hợp hình phạt 8 tháng tù của Bản án số 17/2020/HSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 22 đến 24 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 03/01/2021; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đỗ Trung K, đề nghị: Xử phạt bị cáo Đỗ Trung K từ 13 đến 15 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 03/01/2021; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo; Về vật chứng: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 0,187 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 69/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương. Trả lại bị cáo Ngô Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp sim số 0933740222 theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện N; Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Ngô Văn H và Đỗ Trung K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 18 giờ 36 phút ngày 03/01/2021, tại khu vực đường thôn Mạc Xá, xã Minh Tân, huyện N, tỉnh Hải Dương, Ngô Văn H và Đỗ Trung K có hành vi cất giấu trái phép 0,253 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Các bị cáo đều nảy sinh ý định đi mua ma túy về sử dụng, cùng góp tiền và thực hiện hành vi tàng trữ nên xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo H được xác định là tái phạm nên mức hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn bị cáo K. Mặt khác, bị cáo H phạm tội trong thời gian thử thách của bản án số 17/2020/HSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Hải Dương nên hình phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án trên chuyển thành 8 tháng tù giam cộng với hình phạt của bản án này. Do vậy, HĐXX tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 55, 56 và khoản 5 Điều 65 BLHS buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ. Chất ma túy có tính kích thích thần kinh, có tác hại rất lớn đến sức khỏe của con người cũng như toàn xã hội. Hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng còn là một tệ nạn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỷ HIV – AIDS. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên hành vi lần này của bị cáo được xác định là tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

+ Đối với 0,187 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp sim số 0933740222 của Ngô Văn H dùng để liên lạc không dùng để cất giấu ma túy nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 BLTTHS là phù hợp.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam đen bạc mang BKS 89F1-265.46 cơ quan công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Tường Thị T1 (mẹ đẻ bị cáo K), bà T1 không biết bị cáo K sử dụng chiếc mô tô để đi mua ma túy là phù hợp, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với đối tượng tên C1 do các bị cáo khai là C1 mua hộ gói ma túy để sử dụng tuy nhiên cơ quan công an xác minh tại xã H, huyện N1, tỉnh Hải Dương có nhiều người tên C1 tuy nhiên không có người nào tên C1 có đặc điểm nhận dạng như các bị cáo đã khai. Bị cáo H khai bị cáo dùng số điện thoại của mình là 0933740222 để gọi đến số điện thoại 0325670466 của C1 để liên lạc mua ma túy tuy nhiên kết quả thu giữ điện tín đối với chủ thuê bao số 0325670466 là của ông Lò Văn T3, sinh năm 1975 trú tại M, Q, Sơn La, ông T3 xác định không sử dụng số điện thoại trên và cũng chưa từng đăng ký thông tin chính chủ sở hữu đối với thuê bao này nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, 56, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Ngô Văn H. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đỗ Trung K. Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn H và Đỗ Trung K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, tổng hợp hình phạt 8 tháng tù của Bản án số 17/2020/HSST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án 23 (hai mươi ba) tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 03/01/2021

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung K 13 (mười ba) tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 03/01/2021

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy 0,187 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 69/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương. Trả lại bị cáo Ngô Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 số IMEI 357678100013020, bên trong lắp sim số

0933740222 (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Ngô Văn H và Đỗ Trung K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp